



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**TỔNG CÔNG TY
CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP, tiền thân là Tổng Công ty Cơ điện Nông Nghiệp và Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập vào năm 1996. Đến năm 2003, theo Quyết định số 67/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hai tổng công ty chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ điện và xây dựng công trình là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi và Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 1 được sáp nhập thành Tổng Công ty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy Lợi (AGRIMECO). Tổng Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 202/QĐ-TT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102887 ngày 09 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : (02-4) 66.742.798
- Fax : (02-4) 38 615 706

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn Cơ điện và Xây dựng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện – Xây dựng - CTCP	Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cơ khí điện Thủy lợi – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cơ điện Xây dựng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP tại Hải Dương	Km 52, Quốc lộ 5A - Phường Cẩm Thượng - Thành phố Hải Dương - Hải Dương
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Ban QLDA Thủy điện Bản Mòng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng- CTCP tại Nghệ An	Bản Mòng, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP tại Hà Tĩnh	Tổ dân phố số 1, Thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn An	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đồng Tuấn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Hằng	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	Ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Lê Thu Huyền	Thành viên	Ngày 25 tháng 5 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Văn An	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lương Công Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2017
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Ông Đỗ Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 

Tổng Giám đốc



Lê Văn An

Ngày 26 tháng 9 năm 2019

Số: 2.0559/19/TC - AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 26 tháng 9 năm 2019, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2019

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.001.689.763.387	889.748.889.180
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	248.378.225.372	20.530.673.280
1. Tiền	111		10.378.225.372	20.530.673.280
2. Các khoản tương đương tiền	112		238.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		549.553.923.542	501.992.503.657
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	275.627.648.990	271.368.349.434
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	148.553.285.710	77.396.852.140
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	77.000.000.000	77.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	84.390.206.733	81.785.526.694
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(36.017.217.891)	(5.558.224.611)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		190.462.170.928	359.462.606.220
1. Hàng tồn kho	141	V.8	190.462.170.928	359.462.606.220
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.295.443.545	7.763.106.023
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.150.008.500	2.379.790.730
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.138.753.227	5.178.345.092
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	6.681.818	204.970.201
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		802.103.038.290	957.473.493.693
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.731.280.005	4.731.280.005
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	115.840.818	115.840.818
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.615.439.187	4.615.439.187
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		205.798.737.448	232.191.700.988
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	205.187.734.068	231.403.479.064
<i>Nguyên giá</i>	222		443.052.423.054	458.735.302.598
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(237.864.688.986)	(227.331.823.534)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	611.003.380	788.221.924
<i>Nguyên giá</i>	228		2.665.500.000	3.157.129.360
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.054.496.620)	(2.368.907.436)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		103.358.162.452	37.444.516.134
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	103.358.162.452	37.444.516.134
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		487.960.377.286	680.885.408.757
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2a	126.313.008.000	97.733.008.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	145.504.421.285	141.504.421.285
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	286.260.746.681	462.735.762.518
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(70.117.798.680)	(21.087.783.046)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		254.481.099	2.220.587.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	254.481.099	2.220.587.809
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.803.792.801.677	1.847.222.382.873

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.411.736.861.146	1.503.713.549.945
I. Nợ ngắn hạn	310		839.122.835.178	985.583.110.645
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	167.358.419.112	200.505.207.624
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	415.581.800.564	405.646.058.886
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8.815.183.335	21.125.276.443
4. Phải trả người lao động	314		4.358.062.494	11.006.372.215
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	54.068.180.571	63.883.839.220
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.551.294.190	2.180.657.302
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	87.275.578.304	162.170.975.465
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	99.270.838.291	116.879.777.844
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	843.478.317	2.184.945.646
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		572.614.025.968	518.130.439.300
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	93.155.472.375	92.555.736.303
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	196.294.824.000	116.294.824.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	283.163.729.593	309.279.878.997
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		392.055.940.531	343.508.832.928
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	386.071.133.053	337.524.025.450
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.664.536.452	29.664.536.452
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		141.406.596.601	92.859.488.998
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		80.339.486.683	92.859.488.998
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61.067.109.918	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.984.807.478	5.984.807.478
1. Nguồn kinh phí	431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.803.792.801.677	1.847.222.382.873

Lập, ngày 26 tháng 9 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Quang Hưng

Tổng Giám đốc



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	130.874.219.204	152.914.844.586
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.243.000	18.962.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.871.976.204	152.895.881.986
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	193.123.553.711	133.099.305.993
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(62.251.577.507)	19.796.575.993
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	238.400.262.974	30.298.597.667
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	64.563.204.434	26.952.623.938
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.516.840.238	23.300.719.503
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	695.673.437	1.981.114.274
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	47.792.401.868	21.808.682.589
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.097.405.728	(647.247.141)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.450.821.882	294.249.632
12. Chi phí khác	32	VI.8	535.434.490	776.486.905
13. Lợi nhuận khác	40		2.915.387.392	(482.237.273)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.012.793.120	(1.129.484.414)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	4.945.683.202	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>61.067.109.918</u>	<u>(1.129.484.414)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Quang Hưng

Lập, ngày 26 tháng 9 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66.012.793.120	(1.129.484.414)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,11	19.846.247.746	24.430.322.004
- Các khoản dự phòng	03		79.788.258.514	4.578.300.778
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	15.345.043	(93.440.264)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(236.533.221.556)	(30.098.905.616)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	15.516.840.238	23.300.719.503
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(55.353.736.895)	20.987.511.991
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(91.297.203.967)	50.605.517.912
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		169.000.435.292	15.398.000.286
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(71.203.613.953)	(165.482.284.303)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.195.888.940	(71.579.077)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.302.467.303)	(17.848.668.991)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(14.296.408.401)	(879.231.775)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	5.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(1.222.700.000)	(176.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(74.479.806.287)	(97.462.633.957)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(117.581.499.944)	(2.210.688.036)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(73.380.000.000)	(26.127.984.899)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		478.684.552.456	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.553.675.807	22.304.409.016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		328.276.728.319	(6.034.263.919)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	71.510.206.084	369.280.717.225
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(97.458.057.699)	(292.625.223.740)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.180.250)	(397.663.626)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(25.950.031.865)</i>	<i>76.257.829.859</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		227.846.890.167	(27.239.068.017)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.530.673.280	40.521.647.396
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		661.925	93.440.264
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	248.378.225.372	13.376.019.643

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 26 tháng 9 năm 2019

Tổng Giám đốc




Lê Quang Hưng

Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là xây lắp và chế tạo cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Lợi nhuận kỳ này chủ yếu từ hoạt động thanh lý 2 khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông và Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam, với lãi thanh lý là 191.228.700.837 VND (Xem thêm Thuyết minh V.2 và VI.3).

6. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 4 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Các Công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thủy điện Bản Mông (*)	Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	-	-	-
Công ty TNHH Điện Sông Mực	Thôn Xuân Lai, Xã Hải Vân, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	90%	100%

(*) Công ty chưa góp vốn và chưa đi vào hoạt động (Xem thuyết minh V.2a).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Các Công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, Huyện Thường Xuân, Tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%	92,68%
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi	Tổ 1, Thị trấn Vũ Quang, Huyện Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	51,00%	49,28%	51,00%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Tổ 21 Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng	42,89%	42,89%	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Km Số 9, đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Cơ điện và xây dựng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	Tầng 2, tòa nhà Vinamilk, số 4, đại lộ Lê Nin, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Xây dựng	36,18%	36,18%	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Số 20 đường Trần Nhật Duật, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Phố Vũ, Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	24A Nguyễn Cư Trinh, Phường Thuận Hòa, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình	47,20%	47,20%	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Km 10, đường Nguyễn Trãi P.Thanh Xuân Bắc, Q.Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Cơ điện	25,58%	25,58%	46,39%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	220 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ khí và xây lắp	28,95%	28,95%	44,45%
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Khu Pheo, nhà điều hành sân Golf Hòa Bình-Geleximco, thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	Số 55 Trần Nhật Duật, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40,00%	40,00%	40,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Bản Chuông, Xã Lục Hồn, Huyện Bình Liêu, Tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư dự án thủy điện	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông	Làng Byang, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	38,57%	40,21%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	44,77%	49,64%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	Km 18 Quốc Lộ 5A, TT Như Quỳnh, Thị trấn Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Agreensteel-Việt Nam	Số 6 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm thép	50,00%	50,00%	50,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn Cơ điện và Xây dựng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện – Xây dựng – CTCP	Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cơ khí điện Thủy lợi – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cơ điện Xây dựng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP tại Hải Dương	Km 52, Quốc lộ 5A - Phường Cẩm Thượng - Thành phố Hải Dương - Hải Dương
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Ban QLDA Thủy điện Bản Mông – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng-CTCP tại Nghệ An	Bản Mông, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP tại Hà Tĩnh	Tổ dân phố số 1, Thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty có 344 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 342 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc, kể cả Công ty con phụ thuộc (Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông) đến ngày 31 tháng 3 năm 2019 (ngày Tổng Công ty thanh lý Công ty con). Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc, kể cả Công ty con phụ thuộc, được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	4 - 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.212.428.607	1.845.652.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.165.796.765	18.685.020.689
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	238.000.000.000	
Cộng	248.378.225.372	20.530.673.280

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung ⁽ⁱ⁾	81.377.400.000		81.377.400.000	
Công ty TNHH Điện Sông Mực ⁽ⁱⁱ⁾	15.355.608.000		15.355.608.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi ⁽ⁱⁱⁱ⁾	29.580.000.000		1.000.000.000	
Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng ^(iv)				
Cộng	126.313.008.000		97.733.008.000	

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 8.137.740 cổ phần, tương đương 92,68% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 15.355.608.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Sông Mực, không thay đổi so với số đầu năm.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002076426 ngày 12 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp, Tổng Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi 51.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong kỳ, Tổng Công ty đã đầu tư thêm 28.580.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 29.580.000.000 VND, tương đương 29,58% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.000.000.000 VND, tương đương 1% vốn điều lệ, là khoản đầu tư do cá nhân ủy thác). Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 21.420.000.000 VND.

(iv) Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2901905544 ngày 10 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 180.000.000.000 VND, chủ sở hữu là Tổng Công ty Cơ điện - CTCP. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng 25 ⁽ⁱ⁾	4.203.700.000	(3.894.884.584)	4.203.700.000	(3.894.884.584)
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng ⁽ⁱ⁾	22.080.000.000		22.080.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 ⁽ⁱ⁾	7.236.191.473	(7.236.191.473)	7.236.191.473	(7.236.191.473)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng ⁽ⁱ⁾	2.439.680.000	(339.360.045)	2.439.680.000	(339.360.045)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 ⁽ⁱ⁾	3.713.680.000		3.713.680.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng 26 ⁽ⁱ⁾	7.079.880.000		7.079.880.000	
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi ⁽ⁱ⁾	9.357.100.000		9.357.100.000	
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽ⁱ⁾	6.667.000.000		6.667.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình ⁽ⁱⁱ⁾	4.000.000.000			
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương ⁽ⁱ⁾	2.600.000.000		2.600.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh ⁽ⁱ⁾	1.796.036.596		1.796.036.596	
Công ty Cổ phần Đaksrông ⁽ⁱ⁾	27.000.000.000		27.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện ⁽ⁱ⁾	14.892.300.000		14.892.300.000	
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo ⁽ⁱ⁾	9.113.853.216		9.113.853.216	
Công ty Cổ phần Agreensteel-Việt Nam ⁽ⁱ⁾	1.200.000.000		1.200.000.000	
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE ⁽ⁱ⁾	22.125.000.000	(7.283.425.205)	22.125.000.000	(4.937.195.485)
Cộng	145.504.421.285	(18.753.861.307)	141.504.421.285	(16.407.631.587)

⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư sau không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số Cổ phần	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	420.370	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	2.208.000	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	723.619	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	243.968	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	517.480	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	707.988	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	935.710	25,58%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	888.933	28,95%
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	260.000	40,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	179.604	50,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông	3.780.000	38,57%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.489.230	44,77%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên Công ty	Số Cổ phần	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	911.385	46,00%
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	120.000	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE		50,00%

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400498893 ngày 07 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp, Tổng Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình 40.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Trong kỳ, Tổng Công ty đã đầu tư 4.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 4.000.000.000 VND, tương đương 2% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 36.000.000.000 VND.

2c. Đầu tư góp vốn đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	1.723.110.000	(1.088.280.000)	1.723.110.000	(1.031.501.459)
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình Miền Trung	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng P&C (Vinaconex)	538.969.505		538.969.505	
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam	4.665.700.000		4.665.700.000	
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động	384.317.176		384.317.176	
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam ⁽ⁱ⁾			217.275.015.837	
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê ⁽ⁱⁱ⁾	270.300.000.000	(46.627.007.373)	229.500.000.000	
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Cộng	286.260.746.681	(51.363.937.373)	462.735.762.518	(4.680.151.459)

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 21.733.242 cổ phần và quyền góp vốn 24.166.758 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ (900 tỷ đồng) của Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô với giá trị chuyển nhượng là 334.735.141.000 VND, lãi chuyển nhượng là 117.460.125.163 VND.

- (ii) Trong kỳ, Tổng Công ty đầu tư thêm 40.800.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (tên cũ là Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 270.300.000.000 VND (số đầu năm là 229.500.000.000 VND).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty liên kết sau hiện đang ngừng hoạt động:

- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh.

Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng chưa đi vào hoạt động. Toàn bộ hoạt động đầu tư Dự án Thủy điện Bản Mòng được Tổng Công ty trực tiếp thực hiện (xem Thuyết minh V.12).

Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi và Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

Các công ty con khác và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	21.087.783.046	9.625.680.641
Trích lập dự phòng bổ sung	49.030.015.634	2.112.430.877
Hoàn nhập dự phòng		(513.910.000)
Số cuối kỳ	<u>70.117.798.680</u>	<u>11.224.201.518</u>

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung		
Chi phí lãi vay	2.481.501.454	708.909.589
Vay ngắn hạn của Công ty con	27.400.000.000	18.600.000.000
Công ty TNHH Điện Sông Mực		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty con	6.293.224	5.359.240
Công ty con phân phối lợi nhuận năm trước	3.853.255.261	
Vay ngắn hạn của Công ty con		3.900.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi		
Góp vốn vào Công ty con	28.580.000.000	
Công ty con ứng tiền thực hiện Dự án Thủy điện Ngân Trươi	36.699.385.250	
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng		
Vay ngắn hạn của Công ty liên kết		16.800.000.000
Trả gốc vay cho Công ty liên kết	17.000.000.000	
Chuyển tiền góp vốn vào Công ty liên kết		11.040.000.000
Chi phí lãi vay phải trả Công ty liên kết	338.458.859	275.449.315
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	21.320.717	
Giảm giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	(143.372.273)	(10.508.783.127)
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	4.819.642.612	38.236.854.583

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng		
Giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	(693.016.500)	1.308.782.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1		
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	4.510.287.273	
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276		
Chi phí lãi vay phải trả công ty liên kết	3.272.518.884	2.823.013.699
Vay ngắn hạn của Công ty liên kết		40.000.000.000
Trả nợ vay ngắn hạn cho Công ty liên kết	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình		
Góp vốn vào Công ty liên kết	4.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đaksrông		
Vay ngắn hạn công ty liên kết		77.500.000.000
Trả tiền vay cho công ty liên kết		19.786.957.905
Chi phí lãi vay phải trả Công ty liên kết		2.119.450.957
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	36.260.000.000	18.130.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện		
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	2.014.573.500	2.014.573.500
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam		
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	649.272.481	304.100.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	683.763.439	
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	21.199.086.421	226.242.057

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	29.898.568.932	21.194.140.008
Công ty TNHH Điện Sông Mực		119.115.896
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	573.663.433	573.663.433
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	752.139.783	
Công ty Cổ phần Đaksrông		1.800.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	28.602.755	28.602.755
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	14.941.686.991	14.941.686.991
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	13.321.006.970	5.247.801.933
Phải thu các khách hàng khác	245.729.080.058	250.174.209.426
Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2	26.450.957.667	30.277.964.667
Power Machines	175.847.457.164	159.145.131.596
Các khách hàng khác	43.430.665.227	60.751.113.163
Cộng	275.627.648.990	271.368.349.434

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	17.680.681.851	6.342.612.854
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	2.790.676.105	925.132.401
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.788.725.531	4.788.725.531
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	8.215.127.824	
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	1.542.901.291	285.503.822
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Trả trước cho người bán khác	130.872.603.859	71.054.239.286
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm công nghiệp quốc tế	17.159.292.930	17.119.835.243
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Balkan	14.807.023.875	14.807.023.875
Công ty TNHH Andritz (China) Ltd	46.532.259.095	4.661.000.000
Voith Hydro Pvt.Ltd.,	21.551.812.278	
Các nhà cung cấp khác	30.822.215.681	34.466.380.168
Cộng	148.553.285.710	77.396.852.140

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (bên liên quan) vay với lãi suất 7,5%/ năm.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	38.751.358.721	(308.027.428)	39.406.392.513	(308.027.428)
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	286.634.174		454.782.174	
Công ty TNHH Điện Sông Mực			3.223.048.883	
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng			11.420.475	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	22.922.576.484		22.988.236.484	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	1.842.819.655		812.819.655	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	3.339.261.651		3.804.993.651	
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	3.652.603.884		4.006.597.884	
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	8.106.450		356.674.450	
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	74.640.000		74.640.000	
Công ty Cổ phần Đakrông	1.650.000			
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	166.578.807		166.578.807	

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	26.018.752	(26.018.752)	26.018.752	(26.018.752)
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	6.148.136.729		3.198.249.163	
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	323.459		323.459	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	45.638.848.012	(10.903.017.941)	42.379.134.181	(935.446.229)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	8.615.873.937		8.615.873.937	
Tạm ứng	15.301.336.545	(6.699.633.315)	14.164.744.160	(624.530.177)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.721.637.530	(4.203.384.626)	19.598.516.084	(310.916.052)
Cộng	84.390.206.733	(11.211.045.369)	81.785.526.694	(1.243.473.657)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mông ⁽ⁱ⁾	4.302.999.187	4.302.999.187
Ký cược, ký quỹ khác	312.440.000	312.440.000
Cộng	4.615.439.187	4.615.439.187

(i) Là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mông cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An theo thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 141/TT-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017.

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	589.496.428	(589.496.428)	589.496.428	(589.496.428)
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	(281.469.000)	281.469.000	(281.469.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	26.018.752	(26.018.752)	26.018.752	(26.018.752)
Các tổ chức và cá nhân khác	80.491.643.553	(35.427.721.463)	4.669.478.583	(4.669.478.583)
Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	2.698.256.313	(2.698.256.313)	2.698.256.313	(2.698.256.313)
Ban quản lý dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	3.772.033.000	(1.460.376.700)		
Power Machines	61.074.665.415	(18.322.399.625)		
Tạm ứng	6.699.633.315	(6.699.633.315)	624.530.177	(624.530.177)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.247.055.510	(6.247.055.510)	1.346.692.093	(1.346.692.093)
Cộng	81.081.139.981	(36.017.217.891)	5.258.975.011	(5.258.975.011)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.558.224.611	2.565.381.181
Trích lập dự phòng bổ sung	30.758.242.880	2.979.779.901
Giảm do thanh lý đơn vị trực thuộc	(299.249.600)	
Số cuối kỳ	<u>36.017.217.891</u>	<u>5.545.161.082</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường			186.662.990	
Nguyên liệu, vật liệu	38.101.962.845		48.524.847.616	
Công cụ, dụng cụ	30.857.242		305.270.787	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.257.521.534		162.164.713.668	
Thành phẩm	2.321.646.031		2.321.646.031	
Hàng hóa	44.750.183.276		145.959.465.128	
Cộng	<u>190.462.170.928</u>		<u>359.462.606.220</u>	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	209.961.251	422.267.237
Chi phí bảo hiểm	256.444.776	205.923.623
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.683.602.473	1.751.599.870
Cộng	<u>2.150.008.500</u>	<u>2.379.790.730</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	254.481.099	368.813.658
Các chi phí trả trước dài hạn khác		1.851.774.151
Cộng	<u>254.481.099</u>	<u>2.220.587.809</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCPC

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	63.484.446.995	163.444.158.797	230.325.347.240	956.642.953	524.706.613	458.735.302.598
Mua trong kỳ		66.000.000				66.000.000
Giảm khác (*)	(11.854.836.373)	(721.015.258)	(2.647.514.379)	(525.513.534)		(15.748.879.544)
Số cuối kỳ	51.629.610.622	162.789.143.539	227.677.832.861	431.129.419	524.706.613	443.052.423.054
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.537.803.341	20.367.442.016	3.567.508.905	370.674.874	420.584.613	44.264.013.749
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	52.601.649.989	86.732.207.267	86.582.474.000	943.850.351	471.641.927	227.331.823.534
Khấu hao trong kỳ	1.422.460.554	7.034.268.989	11.185.432.561	3.022.728	23.844.370	19.669.029.202
Giảm khác (*)	(6.001.681.180)	(505.424.354)	(2.103.544.682)	(525.513.534)		(9.136.163.750)
Số cuối kỳ	48.022.429.363	93.261.051.903	95.664.361.878	421.359.545	495.486.297	237.864.688.986
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.882.797.006	76.711.951.530	143.742.873.240	12.792.602	53.064.686	231.403.479.064
Số cuối kỳ	3.607.181.259	69.528.091.636	132.013.470.983	9.769.874	29.220.316	205.187.734.068
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

(*) Giảm do thanh lý đơn vị trực thuộc (Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông).

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 167.230.004.622 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.157.129.360	2.368.907.436	788.221.924
Khấu hao trong kỳ		177.218.544	(177.218.544)
Giảm khác (*)	(491.629.360)	(491.629.360)	
Số cuối kỳ	<u>2.665.500.000</u>	<u>2.054.496.620</u>	<u>611.003.380</u>

(*) Giảm do thanh lý đơn vị trực thuộc (Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>129.892.400</i>		<i>129.892.400</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>37.314.623.734</i>	<i>65.913.646.318</i>	<i>103.228.270.052</i>
Nhà phun bi	1.821.355.311		1.821.355.311
Cầu trục 32 Tấn	590.924.836		590.924.836
Trạm cung cấp Oxi		816.038.175	816.038.175
Công trình Thủy điện Bản Mòng	34.902.343.587	65.097.608.143	99.999.951.730
Cộng	<u>37.444.516.134</u>	<u>65.913.646.318</u>	<u>103.358.162.452</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>46.513.947.936</i>	<i>52.406.554.895</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	3.955.946.104	12.123.062.384
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	8.288.839.626	8.602.439.693
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.661.642.758	1.727.302.758
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.146.926.463	2.909.244.613
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	10.094.942.563	10.560.674.563
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	340.637.198	2.122.575.043
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	13.576.978.038	10.304.459.154
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc miền Trung	3.011.997.056	
Công ty Cổ phần Agreensteel – Việt Nam	3.436.038.130	4.056.796.687
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>120.844.471.176</i>	<i>148.098.652.729</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	30.275.213.960	30.275.213.960
Các nhà cung cấp khác	90.569.257.216	117.823.438.769
Cộng	<u>167.358.419.112</u>	<u>200.505.207.624</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**13b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	47.686.665.535	40.515.333.452
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	5.054.136.989	5.054.136.989
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	18.136.769.420	17.713.206.420
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.737.777.024	4.737.777.024
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	15.190.787.205	11.206.118.380
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	4.567.194.897	1.804.094.639
Phải trả các nhà cung cấp khác	45.468.806.840	52.040.402.851
Cộng	93.155.472.375	92.555.736.303

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	84.333.914.050	47.910.157.500
Công ty TNHH Điện Sông Mực	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	47.905.157.500	47.905.157.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi	36.423.756.550	
Trả trước của các khách hàng khác	331.247.886.514	357.735.901.386
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	326.001.984.800	344.220.298.270
Các khách hàng khác	5.245.901.714	13.515.603.116
Cộng	415.581.800.564	405.646.058.886

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>			<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Tăng/giảm khác (*)</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.202.898.549	5.806.818	2.165.174.160	(2.414.938.036)	(42.380.004)	910.754.669	5.806.818
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	10.541.300		879.644.681	(890.186.378)	397		
Thuế xuất, nhập khẩu		91.511.589	1.903.927.998	(2.007.794.271)	195.377.862		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.092.502.783	875.000	4.945.683.202	(14.296.408.401)		4.741.777.584	875.000
Thuế thu nhập cá nhân	562.465.716	106.776.794	868.442.172	(1.006.130.270)	6.293.153	324.293.977	
Thuế nhà đất	3.069.914.800		2.093.888.264	(4.018.047.564)	(512.371.200)	633.384.300	
Các loại thuế khác			253.811.528	(253.811.528)			
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.186.953.295		223.167.356	(205.147.846)		2.204.972.805	
Cộng	21.125.276.443	204.970.201	13.333.739.361	(25.092.464.294)	(353.079.792)	8.815.183.335	6.681.818

(*) Tăng/Giảm do thanh lý đơn vị trực thuộc (Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông)

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.945.683.202	
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.945.683.202	

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	11.697.991.199	11.495.615.320
Trích trước chi phí công trình	42.370.189.372	52.388.223.900
Cộng	54.068.180.571	63.883.839.220

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê văn phòng	15.988.889	65.755.559
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	1.535.305.301	2.114.901.743
Cộng	1.551.294.190	2.180.657.302

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	5.319.053.316	43.292.717.433
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	558.735.883	732.400.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	2.609.466.666	2.609.466.666
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.336.171.595	1.336.171.595
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	804.679.172	804.679.172
Công ty Cổ phần Đaksrông		37.800.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	81.956.524.988	118.878.258.032
Kinh phí công đoàn	762.016.830	753.689.631
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.330.969.597	1.374.751.292
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.342.521.695	4.444.701.945
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô		50.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	62.521.016.866	62.305.115.164
Cộng	87.275.578.304	162.170.975.465

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	111.000.000.000	39.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Minh Ngọc - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mòng	111.000.000.000	39.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	85.294.824.000	77.294.824.000
Phải trả các cá nhân góp vốn tại công ty liên kết:	11.692.710.000	11.692.710.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp 276	2.324.000.000	2.324.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.461.810.000	1.461.810.000
Công ty Cổ phần Đaksrông	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty TNHH Điện Sông mực	1.610.000.000	1.610.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	4.196.900.000	4.196.900.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả Bà Trần Thị Xuân - Góp vốn vào Dự án thủy điện Bản Mòng	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long - Tạm ứng hợp tác kinh doanh	68.000.000.000	60.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.552.114.000	2.552.114.000
Cộng	196.294.824.000	116.294.824.000

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vay ngắn hạn/dài hạn****19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	5.500.000.000	5.500.000.000
Bà Lê Bích Hạnh - Bên liên quan của thành viên HĐQT ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.500.000.000	5.500.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	58.597.724.291	75.976.526.858
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1 ⁽ⁱ⁾	53.064.335.585	38.026.123.334
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương		5.217.252.990
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	5.533.388.706	15.055.862.596
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3		17.677.287.938
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.940.714.000	5.170.850.986
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	30.232.400.000	30.232.400.000
Cộng	99.270.838.291	116.879.777.844

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng hạn mức số 01/2018/275/HĐTD ngày 23/08/2018 với mục đích cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cho vay là 800 tỷ VND. Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của khách hàng tại ngân hàng được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/275/HĐTD ngày 23/02/2017. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp dây chuyền máy móc thiết bị và 3.780.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đaksrông có giá trị tại thời điểm thế chấp là 37.800.000.000 VND. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích thi công sản xuất thiết bị phục vụ các công trình dự án thủy điện, thủy lợi, nhiệt điện, xây lắp, cơ khí... theo ngành nghề đăng ký kinh doanh, lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ, thời hạn vay 11 tháng theo từng lần vay.
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7% / năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn bên liên quan</u>	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các cá nhân</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	5.500.000.000	75.976.526.858	5.170.850.986	30.232.400.000	116.879.777.844
Số tiền vay phát sinh trong kỳ		42.410.206.084			42.410.206.084
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn				15.116.200.000	15.116.200.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ		(42.111.720.713)	(230.136.986)	(15.116.200.000)	(57.458.057.699)
Giảm khác (*)		(17.677.287.938)			(17.677.287.938)
Số cuối kỳ	5.500.000.000	58.597.724.291	4.940.714.000	30.232.400.000	99.270.838.291

(*) Giảm do thanh lý đơn vị trực thuộc (Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn bên liên quan	188.824.758.224	202.918.016.928
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng ⁽ⁱ⁾	1.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung ⁽ⁱⁱ⁾	73.000.000.000	45.600.000.000
Công ty TNHH Điện Sông Mực ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.353.883.224	11.547.141.928
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ^(iv)	75.500.000.000	78.500.000.000
Ông Lê Văn An ^(v)	14.790.875.000	13.090.875.000
Ông Đồng Tuấn Vũ ^(v)	4.180.000.000	24.180.000.000
Bà Lê Thị Tuyết Mai – Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT ^(v)	12.000.000.000	12.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng^(vi)	30.232.662.069	45.348.862.069
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	64.106.309.300	61.013.000.000
Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông	3.093.309.300	
Công ty TNHH Kenle	16.900.000.000	16.900.000.000
Công đoàn Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	2.300.000.000	2.300.000.000
Công đoàn Cơ quan Văn phòng Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	813.000.000	813.000.000
Ông Nguyễn Văn Tam ^(v)	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Lương Xuân Hà ^(v)	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	283.163.729.593	309.279.878.997

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất 6,15%/năm, thời hạn vay 18 tháng.
- (ii) Vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 18 tháng.
- (iii) Vay Công ty TNHH Điện Sông Mực để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay trên 12 tháng.
- (iv) Vay Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 18 tháng.
- (v) Các khoản vay dài hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để trả nợ vay ngân hàng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư với lãi suất từ 7% đến 8%/năm, thời hạn vay từ 13 tháng tới 36 tháng tùy từng hợp đồng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng trung hạn để thanh toán dư nợ gốc tại Ngân hàng TMCP SHB – Chi nhánh Hồng Bàng và bổ sung thanh toán chi phí của Dự án dây chuyền đồng bộ CNC gia công thép tấm và dầm thép. Thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần, gốc và lãi vay được thanh toán hàng quý. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản đảm bảo bổ sung khác (nếu có).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	30.232.400.000	30.232.400.000
Trên 1 năm đến 5 năm	283.163.729.593	309.279.878.997
Cộng	<u>313.396.129.593</u>	<u>339.512.278.997</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn bên liên quan</u>	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	202.918.016.928	45.348.862.069	61.013.000.000	309.279.878.997
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	29.100.000.000			29.100.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(40.000.000.000)			(40.000.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn		(15.116.200.000)		(15.116.200.000)
Phân loại lại	(3.193.258.704)			(3.193.258.704)
Tăng khác (*)			3.093.309.300	3.093.309.300
Số cuối kỳ	<u>188.824.758.224</u>	<u>30.232.662.069</u>	<u>64.106.309.300</u>	<u>283.163.729.593</u>

(*) Tăng khác do ghi tăng khoản vay Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông do chuyển đổi từ đơn vị trực thuộc sang bên thứ ba độc lập.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.184.945.646	2.316.178.180
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		50.567.466
Chi quỹ	(1.222.700.000)	(176.900.000)
Tăng/(giảm) khác (*)	(118.767.329)	5.000.000
Số cuối kỳ	<u>843.478.317</u>	<u>2.194.845.646</u>

(*) Giảm khác do thanh lý đơn vị trực thuộc (Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông).

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	215.000.000.000	29.664.536.452	9.725.567.466	254.390.103.918
Lợi nhuận trong kỳ trước			(1.129.484.414)	(1.129.484.414)
Trích lập các quỹ			(50.567.466)	(50.567.466)
Chia cổ tức, lợi nhuận			(9.675.000.000)	(9.675.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>215.000.000.000</u>	<u>29.664.536.452</u>	<u>(1.129.484.414)</u>	<u>243.535.052.038</u>
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	29.664.536.452	92.859.488.998	337.524.025.450
Lợi nhuận trong kỳ			61.067.109.918	61.067.109.918
Chia cổ tức, lợi nhuận			(12.900.000.000)	(12.900.000.000)
Tăng do thanh lý đơn vị trực thuộc			379.997.685	379.997.685
Số dư cuối kỳ này	<u>215.000.000.000</u>	<u>29.664.536.452</u>	<u>141.406.596.601</u>	<u>386.071.133.053</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết số vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Công đoàn Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	2.315.000	10,77%
Ông Đồng Tuấn Vũ	5.278.333	24,55%
Bà Phạm Thu Thủy	4.515.000	21,00%
Ông Lê Văn An	1.898.762	8,83%
Các cổ đông khác	7.492.905	34,85%
Cộng	21.500.000	100%

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông : VND 12.900.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

22a. Tài sản nhận giữ hộ

Là vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Ban Quản lý Thủy lợi 3 của Bộ Nông Nghiệp phục vụ dự án Vân Đình có giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 2.395.277.728 VND, số đầu năm là 2.395.277.728 VND.

22b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	10.810,55	8.984,76
Euro (EUR)	45,90	51,85

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng cơ khí	72.856.312.932	103.687.938.846
Doanh thu bán hàng hóa	45.923.044.071	42.225.352.324
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.119.823.920	5.885.186.572
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.975.038.281	1.116.366.844
Cộng	130.874.219.204	152.914.844.586

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên kết (kỳ trước chỉ có giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê với số tiền là 118.389.775 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng cơ khí	146.303.693.158	113.637.628.016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	41.514.316.614	33.458.723.244
Giá vốn hợp đồng xây dựng ⁽ⁱ⁾	4.352.222.749	(14.358.921.756)
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	953.321.190	361.876.489
Cộng	193.123.553.711	133.099.305.993

⁽ⁱ⁾ Giá vốn hoạt động xây dựng kỳ trước âm do Tổng Công ty đã ghi giảm chi phí giá vốn các Công trình sau khi có quyết toán số tiền 21.325.109.390 VND. Bên cạnh đó, Công ty được các đơn vị thầu phụ ghi giảm giá trị sản lượng Công trình An Khê – Kanak số tiền 14.348.749.632 VND.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.867.041.418	288.370.610
Lãi tiền cho vay	2.938.410.958	447.271.359
Cổ tức được chia	42.366.109.761	29.495.142.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		67.813.598
Lãi thanh lý đơn vị trực thuộc (Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông)	73.768.575.674	
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn khác	117.460.125.163	
Cộng	238.400.262.974	30.298.597.667

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.516.840.238	23.300.719.503
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		117.320.794
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.345.043	93.440.264
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	49.030.015.634	1.598.520.877
Chi phí tài chính khác	1.003.519	1.842.622.500
Cộng	64.563.204.434	26.952.623.938

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	36.239.610	3.671.818
Chi phí bảo hành	790.343	88.691.535
Các chi phí khác	658.643.484	1.888.750.921
Cộng	695.673.437	1.981.114.274

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.687.015.060	9.076.394.058
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	105.492.285	116.330.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	595.826.141	759.253.410
Thuế, phí và lệ phí	2.099.185.264	2.109.963.264
Dự phòng phải thu khó đòi	30.758.242.880	2.979.779.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.512.362.465	3.967.287.017
Các chi phí khác	2.034.277.773	2.799.674.684
Cộng	47.792.401.868	21.808.682.589

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền điện, nước	74.547.084	87.136.923
Thu tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	3.376.274.448	
Thu nhập khác	350	207.112.709
Cộng	3.450.821.882	294.249.632

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn điện nước	124.375.697	81.775.600
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	401.760.940	445.013.101
Chi phí khác	9.297.853	249.698.204
Cộng	535.434.490	776.486.905

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.211.146.037	23.177.820.938
Chi phí nhân công	23.835.619.412	22.761.919.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.846.247.746	24.430.322.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.584.688.274	40.994.677.201
Chi phí khác	42.264.544.841	17.884.511.390
Cộng	264.742.246.310	129.249.251.102

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ này
Ông Lê Văn An – Chủ tịch HĐQT	
Vay tiền Ông Lê Văn An	1.700.000.000
Lãi vay phải trả Ông Lê Văn An	575.594.164
Ông Đồng Tuấn Vũ – Thành viên HĐQT	
Thanh toán nợ vay cho Ông Đồng Tuấn Vũ	20.000.000.000
Lãi vay phải trả Ông Đồng Tuấn Vũ	270.043.248

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18a và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.177.389.694	1.285.984.344
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	480.000.000	480.000.000
Cộng	1.657.389.694	1.765.984.344

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Điện Sông Mực	Công ty con
Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đaksrông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Agreensteel –Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc	Bên liên quan của Thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê		
Lãi vay phải thu	2.938.410.958	590.017.689
Góp vốn	40.800.000.000	

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc</i>		
Nhận tiền góp vốn và Dự án Thủy điện Bản Mòng	72.000.000.000	12.000.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.18 và V.19.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cơ khí
- Lĩnh vực bán hàng hóa
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	72.856.312.932	45.920.801.071	12.094.862.201	130.871.976.204
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.856.312.932	45.920.801.071	12.094.862.201	130.871.976.204
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(73.447.380.226)	4.406.484.457	6.789.318.262	(62.251.577.507)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(48.488.075.305)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(110.739.652.812)
Doanh thu hoạt động tài chính				238.400.262.974
Chi phí tài chính				(64.563.204.434)
Thu nhập khác				3.450.821.882
Chi phí khác				(535.434.490)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.945.683.202)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				61.067.109.918
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			117.581.499.944	117.581.499.944
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.048.388.496	6.963.718.446	1.834.140.804	19.846.247.746
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	103.687.938.846	42.206.389.724	7.001.553.416	152.895.881.986
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.687.938.846	42.206.389.724	7.001.553.416	152.895.881.986

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực cơ khí</u>	<u>Lĩnh vực bán hàng hóa</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(9.949.689.170)	8.747.666.480	20.998.598.683	19.796.575.993
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(23.789.796.863)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(3.993.220.870)
Doanh thu hoạt động tài chính				30.298.597.667
Chi phí tài chính				(26.952.623.938)
Thu nhập khác				294.249.632
Chi phí khác				(776.486.905)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.129.484.414)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.595.587.125	649.487.036	107.742.411	2.352.816.572
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	22.953.225.288	532.045.290	1.533.643.884	25.018.914.462

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực cơ khí</u>	<u>Lĩnh vực bán hàng hóa</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	653.058.165.806		401.100.589.668	1.054.158.755.474
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				749.634.046.203
Tổng tài sản				1.803.792.801.677
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	585.820.507.935		430.308.539.498	1.016.129.047.433
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				395.607.813.713
Tổng nợ phải trả				1.411.736.861.146
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.012.645.075.400	81.800.911.159	43.597.208.254	1.138.043.194.813
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				709.179.188.060
Tổng tài sản				1.847.222.382.873
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	952.856.300.921	92.565.943.525		1.045.422.244.446
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				458.291.305.499
Tổng nợ phải trả				1.503.713.549.945

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 đã thông qua việc chào mua công khai cổ phiếu của Tổng Công ty làm cổ phiếu quỹ, với số lượng mua tối đa 21% số lượng cổ phiếu đang lưu hành, tương ứng 4.515.000 cổ phiếu, giá chào mua 42.200 VND/cổ phiếu. Nguồn vốn mua lại từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT về việc điều chỉnh tỷ lệ chào mua xuống 9,9% số lượng cổ phiếu đang lưu hành, tương ứng 2.128.500 cổ phiếu do Tổng Công ty không đủ nguồn vốn để thực hiện chào mua 21%.

Tổng Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký chào mua công khai lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 06 tháng 8 năm 2019. Tuy nhiên, tại cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 03 tháng 9 năm 2019, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc rút hồ sơ mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ. Ngày 12 tháng 9 năm 2019, Hội đồng quản trị đã thông qua việc xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 để điều chỉnh phương án mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ. Sau khi Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua phương án điều chỉnh, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục triển khai việc chào mua công khai và mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ theo phương án mới nhất.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 26 tháng 9 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Hưng

Lê Văn An